

“VẤN ĐỀ ĐÀI LOAN” TRONG ĐÀM PHÁN NGOẠI GIAO HOA KỲ - TRUNG QUỐC THẬP NIÊN 70 THẾ KỶ XX

TAIWAN ISSUE IN THE DIPLOMATIC NEGOTIATION OF US – CHINA IN THE 70S OF THE TWENTIETH CENTURY

Nguyễn Thế Hồng

Trường Đại học Đồng Tháp; reaganusa1986@gmail.com

Tóm tắt - Vấn đề Đài Loan xuất hiện sau cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng với Đảng cộng sản Trung Quốc năm 1949. CHND Trung Hoa thành lập, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ trong bối cảnh căng thẳng của cuộc Chiến tranh lạnh gia tăng. Mỹ đã biến Đài Loan thành hàng không mẫu hạm để ngăn chặn sự ảnh hưởng của Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản tại Châu Á. Điều này đã đưa quan hệ Mỹ – Trung Quốc trở nên thù địch. Đến thập niên 70 thế kỷ XX, xuất phát từ lợi ích quốc gia, Mỹ và Trung Quốc tiến hành đàm phán quan hệ ngoại giao, vấn đề Đài Loan trở thành nhân tố quan trọng và chi phối mỗi quan hệ Mỹ – Trung Quốc. Bên cạnh đó, từ khi vấn đề Đài Loan xuất hiện, trở thành nhân tố thách thức quan hệ song phương Mỹ - Trung Quốc hiện nay.

Từ khóa - Mỹ; Trung Quốc; đàm phán; ngoại giao; Đài Loan.

Abstract - Taiwan issue appeared after the civil war between the Kuomintang and the Communist Party of China in 1949 when the People's Republic of China was founded, Korean War took place and Cold War increased. US turned Taiwan into a carrier to prevent the influence of the Soviet Union and Communism in Asia. This brought the US – China relations to hostility. In the 70s of the twentieth century, derived from national interests, the US and China began negotiating diplomatic relations and the Taiwan issue became an important factor governing the relationship between the US and China. Since then, the Taiwan issue has become a challenging factor in the US - China relations today.

Key words - US; China; negotiation; diplomacy; Taiwan.

1. Đặt vấn đề

Ngày 21/2/1972 tổng thống Mỹ R.Nixon chính thức thăm Trung Quốc, mở ra một trang sử mới trong quan hệ với nước này, sau nhiều thập kỉ căng thẳng và thù địch. Đến ngày 1/1/1979 hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Việc đàm phán thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Quốc là cả một quá trình thăng trầm và phức tạp, hai nước chưa bao giờ đạt được sự thỏa mãn với nhau vì có nhiều vấn đề bất đồng, trong đó quan trọng nhất là “vấn đề Đài Loan”. Tại sao vấn đề Đài Loan luôn là vấn đề quan trọng nhất và nhạy cảm nhất từ khi nó xuất hiện thuộc trọng tâm của quan hệ Trung – Mỹ và nếu có điều gì rắc rối xảy ra đối với vấn đề Đài Loan thì quan hệ Trung – Mỹ sẽ khó có thể tiến triển? Bài viết đề cập đến việc đàm phán về địa vị pháp lí của Đài Loan trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc giai đoạn 1972 – 1979.

2. Nội dung

2.1. Nguồn gốc vấn đề Đài Loan

Đài Loan là một phần của đế quốc Nhật Bản cho đến năm 1945 theo điều ước Mã Quan (năm 1895) kí kết giữa chính quyền Mãn Thanh với Nhật Hoàng. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối với sự thắng lợi đang nghiêng về phía đồng minh, ngày 26/11/1943, cuộc họp tại Cai-rô (Ai Cập) giữa Mỹ – Anh – Trung Quốc (đại diện lúc này là Tưởng Giới Thạch) đã tuyên bố “*tôn chỉ của ba nước tính từ bắt đầu đại chiến thế giới lần nhất năm 1914, lấy lại tất cả những đảo Nhật cướp hoặc chiếm đóng ở Thái Bình Dương, phân lãnh thổ của Trung Quốc do Nhật cướp được như Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ... đều trả về cho Trung Quốc*” [4, tr.9]. Trong tuyên bố của hội nghị Pôt-đam (ngày 26/7/1945) và trong văn kiện đầu hàng của Nhật Bản (ngày 2/9/1945) đã tái khẳng định các điều khoản trong bản tuyên ngôn Cai-rô phải được thực hiện. Như vậy, trước năm 1949 không có sự tranh cãi về vị

thế của Đài Loan bởi vì nó được mặc nhiên thừa nhận là một tỉnh của Trung Quốc. Tháng 2/2000 dưới nhan đề “*Nguyên tắc một nước Trung Quốc và vấn đề Đài Loan*” do cục Đài Loan vụ và cục thông tin Hội đồng nhà nước Trung Quốc có viết “*ngày mùng 1 tháng 10 năm 1949, nhân dân Trung Quốc đã đạt được một thắng lợi to lớn trong cuộc các mạng dân chủ và đã thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc. Phe Quốc Dân Đảng rút lui khỏi đất liền và có thủ ở tỉnh Đài Loan thuộc Trung Quốc để đương đầu với chính phủ Trung ương với sự hỗ trợ của lực lượng nước ngoài. Đó là nguồn gốc vấn đề Đài Loan*” [4, tr.52].

Ngay khi cuộc kháng chiến chống Nhật kết thúc, ở Trung Quốc tiếp tục cuộc tranh giành quyền lực giữa Đảng cộng sản và Quốc Dân Đảng. Liên minh Quốc – Cộng thống nhất kháng Nhật ra đời 1937 nhanh chóng bị tan vỡ vì là kết quả mang tính gượng ép do sự bó buộc của tình thế. Trong suốt thời gian kháng chiến, chính quyền của Tưởng Giới Thạch được đánh giá là theo đuổi chính sách chống Nhật mang tính tiêu cực nhưng lại tích cực chống Đảng cộng sản. Khi phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng, Tưởng cho chuyển quân đến bao vây các khu giải phóng ngăn chặn quân giải phóng Trung Quốc tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật. Trong cuộc nội chiến Trung Quốc, Mỹ đã từng đứng ra nhận trách nhiệm trung gian hòa giải giữa Đảng cộng sản và Quốc Dân Đảng nhưng kết quả không như mong đợi – một chính phủ liên hiệp không được thành lập bởi các đảng phái ở Trung Quốc, cuối cùng khi Chiến tranh lạnh nổ ra, nhận thấy nguy cơ chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc, Mỹ chuyển sang viện trợ tích cực cho Quốc Dân Đảng và chính thức trở thành một lực lượng trong cuộc nội chiến Quốc – Cộng. Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Trung Quốc là hy vọng một nước Trung Quốc mạnh, thống nhất, dân chủ ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ hai để góp phần gìn giữ nền hòa bình ở Viễn Đông. Thực tế,

theo quan điểm của Mỹ là Trung Quốc không cộng sản “*dùng Trung Quốc Quốc Dân Đảng làm nhân tố quan trọng chế ngự thế lực của Liên Xô, cùng nước Trung Quốc thống nhất, thân Mỹ làm nền tảng cho hoàn bình và ổn định ở Viễn Đông*” [3, tr.148]. Vì thế, đóng vai trò trung gian hòa giải nhưng Mỹ có ý nghiêng về chính phủ Tưởng Giới Thạch mặc dù không phải lúc nào chính quyền Mỹ cũng mặn mà với Quốc Dân Đảng.

Nhiều nhận định cho rằng cuối năm 1949, Mỹ hướng tới việc công nhận ngoại giao với chính quyền của Mao Trạch Đông nhưng cuối cùng không thực hiện được, một phần do cuộc chiến ở Triều Tiên. Ngay thời điểm này Mỹ xem Đài Loan là một phần thiết yếu trong chiến lược toàn cầu ở châu Á vì thế không thể để hòn đảo này dưới sự kiểm soát của chủ nghĩa cộng sản. Như vậy, chính cuộc nội chiến tại Trung Quốc giữa Quốc – Cộng đã không đi đến một kết thúc một cách trọn vẹn và điều quan trọng do sự can thiệp bởi lực lượng bên ngoài, đó là Mỹ đã làm cho công cuộc thống nhất đất nước Trung Quốc dần trở nên khó khăn hơn. Ngày 01/10/1949 những người cộng sản tuyên bố thành lập chính phủ mới còn Quốc Dân Đảng phải tháo chạy ra đảo Đài Loan và sử dụng “*thành nơi quyết chiến sau cùng giữa Quốc – Cộng*” [4, tr.37] thì vấn đề Đài Loan xuất hiện.

2.2. Vai trò của Đài Loan đối với Mỹ và Trung Quốc

Đến trước khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, chính quyền tổng thống Mỹ Truman chưa có chính sách rõ ràng về Đài Loan. Tuyên bố ngày 12/1/1950 của ngoại trưởng Mỹ Acheson nhận mạnh “*tuyến phòng thủ của Mỹ ở Thái Bình Dương bắt đầu chạy từ Philippin qua quần đảo Ryukyu, trong đó có căn cứ quân sự Okinawa của Mỹ và chạy suốt lên phía Bắc nước Nhật*” [6, tr.32]. Khi cuộc Chiến tranh lạnh khởi phát mạnh mẽ, trước đó là sự ra đời của nước Trung Quốc theo chủ nghĩa xã hội và sau đó chiến tranh Triều Tiên bùng nổ năm 1950. Tất cả chuyển biến tình thế đã đưa Mỹ chính thức sử dụng Đài Loan cho chiến lược đảm bảo an ninh “*nếu Mỹ mất Nam Triều Tiên ở phía Bắc, phía nam mất Đài Loan, Nhật Bản sẽ bị kẹp giữa Nam Bắc, Philippin và các nước chống cộng ở Đông Nam Á sẽ bị uy hiếp, phòng tuyến Tây Thái Bình Dương sẽ bị chặt thành mấy khúc*” [4, tr.52]. Vai trò lớn nhất của đảo Đài Loan chính là vị trí địa – chính trị của nó, nằm cách đất liền Trung Quốc khoảng 100 dặm ngoài biển, từ những năm 40 thế kỉ XX một số nhà chiến lược quân sự Mỹ đã xếp Đài Loan là một phần của tuyến phòng thủ từ Aleutian (thuộc bang Alaska) đến Việt Nam, chắn ngang tuyến đường biển từ Bắc Á. Nước nào nắm chắc được Đài Loan thì có thể chứng tỏ sức mạnh ở khu vực Viễn Đông, có thể tự do đi lại trên vùng phía Tây Thái Bình Dương rộng lớn và có thể tiến hành các cuộc tấn công cơ động trên quy mô lớn nếu chiến sự xảy ra trong khu vực. Chính tầm quan trọng của cung phòng thủ Thái Bình Dương đã đưa Đài Loan là một chốt điểm quan trọng.

Các nhà hoạch định chiến lược của Mỹ xem Trung Quốc gắn liền với lợi ích an ninh quốc gia, nhất là tại khu vực châu Á trong bối cảnh Chiến tranh lạnh và là một mối đe dọa nghiêm trọng nếu Trung Quốc “*cấu kết*” với Liên Xô. Quan điểm này dựa trên “*Hiệp ước trợ trợ Xô – Trung*” kí tháng 2/1950. Trong tài liệu mang tên “*Chiến*

lược để tăng cường sức mạnh và vị trí của Mỹ tại Viễn Đông” tháng 4/1954 nhấn mạnh: nếu được hỗ trợ từ Liên Xô, thậm chí chỉ dựa vào bản thân Trung Quốc, nếu Mỹ không có khả năng chống đỡ cộng sản Trung Quốc có thể chinh phục toàn bộ khu vực Đông Nam Á theo đó các nước không cộng sản ở Đông Á sẽ bị ảnh hưởng, mối đe dọa trực tiếp lúc này không phải từ Liên Xô đến mà từ phía Trung Quốc. Việc Mỹ triển khai quân đội ngoài khơi đảo Đài Loan nhằm xóa đi lo lắng này được thể hiện ngay khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ vì quan ngại Trung Quốc sẽ chinh phục Đài Loan “*bộ đội cộng sản chiếm lĩnh đảo Đài Loan sẽ uy hiếp trực tiếp đến an toàn của khu vực Thái Bình Dương và quân đội Mỹ có trách nhiệm thi hành chức vụ hợp pháp và cần thiết ở khu vực này*” [4, tr.56]. Như vậy nỗi lo chủ nghĩa cộng sản sẽ xóa đi vị trí địa chiến lược tại châu Á – một phần trong chiến lược toàn cầu đã phủ lên tư tưởng chính quyền Mỹ.

Từ khi Trung Quốc tham chiến tại Triều Tiên, Mỹ thì cho rằng chiến tranh Triều Tiên là một cái cớ mà nước này mong đợi từ lâu. Cả Mỹ và Liên Xô, Trung Quốc trở thành những lực lượng hậu thuẫn cho chính quyền Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên. Cuộc chiến này đã ảnh hưởng sâu sắc đến nền chính trị châu Á và mối quan hệ giữa người châu Á với người ngoài châu lục này trong các vấn đề của khu vực. Ba năm sau cuộc chiến thì hội nghị quốc tế Giơ-ne-ve khai mạc (tháng 4/1954) nhằm giải quyết vấn đề chiến tranh Triều Tiên và cuộc chiến tại Đông Dương. Kết quả hội nghị các nước chấp nhận hiện trạng tại Triều Tiên và không can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương nhưng không có nghĩa là Mỹ đã rút lui khỏi châu Á. Từ kết quả của cuộc chiến tranh tại Triều Tiên và các cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan, Mỹ đã tiến hành thông qua các nghị quyết thi hành cấm vận đối với Trung Quốc. Tất cả góp phần đưa quan hệ Mỹ – Trung Quốc bước dài trên con đường đối nghịch.

Khi nội chiến trên đất liền kết thúc, Đảng cộng sản Trung Quốc cho rằng cần phải thu hồi hòn đảo dưới quyền quản lí của họ. Trung Quốc phản đối mọi hành động cản trở sự nghiệp thống nhất tổ quốc. Trong cuộc họp Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc ngày 20/09/1950 Mỹ yêu cầu đem vấn đề Đài Loan ra thảo luận, lúc này Mỹ đang hỗ trợ cho Quốc Dân đảng xây dựng chính quyền để tiếp tục nội chiến với Đảng cộng sản. Trung Quốc phản đối mạnh mẽ việc hạm đội 7 của Mỹ có mặt ven đảo Đài Loan, coi đây là hành động trực tiếp can thiệp vào công việc nội bộ nước này và Liên hiệp quốc không có quyền đem vấn đề Đài Loan ra thảo luận trong bất kì trường hợp nào khác. Tháng 12/1954 Hiệp ước phòng thủ chung được kí kết giữa Mỹ – Tưởng, Trung Quốc lên án đó là sự xâm phạm trắng trợn chủ quyền, là hành động khiêu chiến một cuộc chiến tranh, hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Đài Loan là phi pháp, không có hiệu lực.

Như vậy, từ khi xuất hiện năm 1949 đến cuối thập niên 60 thế kỉ XX, vấn đề Đài Loan trở thành một trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại giữa Mỹ và Trung Quốc, tạo nên mối quan hệ xuyên suốt đối đầu và căng thẳng. Khi R.Nixon lên cầm quyền thì cũng là lúc Mỹ đang bế tắc trong cuộc chiến tranh xâm lược tại Việt Nam, Đông Dương; Liên Xô – đối thủ chính của Mỹ ngày càng

lớn mạnh; các đồng minh Tây Âu, Nhật trở thành những thế lực cạnh tranh ảnh hưởng ngang với nước này... tất cả đã buộc Mỹ phải linh hoạt trong đường lối ngoại giao để từng bước thoát khỏi khó khăn nhằm khẳng định vị trí cường quốc. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng đất nước. Xuất phát từ nhận thức lợi ích quốc gia là quan trọng, cả Mỹ và Trung Quốc chấp nhận gạt qua hiềm khích, đàm phán quan hệ ngoại giao. Trong quá trình đàm phán thì yếu tố Đài Loan trở thành “nút thắt” quan trọng.

2.3. Mỹ – Trung Quốc đàm phán về địa vị pháp lý của Đài Loan (1972 – 1979)

Thời kì R.Nixon nắm quyền, Mỹ có sự chuyển biến trong chính sách ngoại giao với Trung Quốc theo hướng mở hơn. Một vấn đề lớn đặt ra cho tổng thống R.Nixon là phải giải quyết được mối quan hệ với hai chính phủ Trung Quốc. Đây chính là mối thắt nút nếu Mỹ muốn “thân thiện” với CHND Trung Hoa và công nhận chính phủ Đảng cộng sản thì Mỹ phải tìm cách “ứng xử” khéo léo trước những phản ứng từ chính quyền Quốc Dân đảng. Ngày 9/7/1971 ngoại trưởng Mỹ Kissinger bí mật đến Trung Quốc và đưa ra 5 điểm xung quanh vấn đề Đài Loan: Thứ nhất, chính phủ Mỹ dự định sau khi chiến tranh Đông Dương kết thúc sẽ rút 2/3 quân số ra khỏi đảo và sẵn sàng giảm bớt lực lượng quân sự còn lại ở đây theo tiến trình cải thiện quan hệ hai nước. Thứ hai, không ủng hộ chủ trương hai nước Trung Quốc hoặc một Trung Quốc, một Đài Loan nhưng mong muốn giải quyết vấn đề này trong hòa bình. Thứ ba, thừa nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Thứ tư, hiệp ước Mỹ – Tưởng dành lại cho lịch sử giải quyết. Thứ năm, Mỹ sẽ không chỉ trích và cô lập Trung Quốc, ủng hộ vị thế của nước này tại Liên hiệp quốc nhưng kèm theo đó không tán thành việc trục xuất đại biểu Đài Loan. Dự thảo mà phía Mỹ đưa ra chỉ mang tính đơn phương nên không thể tác động đến lập trường trước sau của Trung Quốc về vấn đề Đài Loan. Điều này không có gì ngạc nhiên khi quan hệ giữa Trung Quốc – Mỹ bị che phủ bởi sự thù hận, nghi ngờ suốt hơn hai thập kỉ. Do vậy, dự thảo này cùng chuyến thăm bí mật của ngoại trưởng Kissinger chỉ nhằm dọn đường cho một chuyến thăm cấp cao hơn vào năm sau.

Trong cuộc vận động bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, phía Mỹ chấp nhận một số điều kiện làm hài lòng Trung Quốc xem như đó là thiện chí. Việc chấp nhận để Đài Loan bị trục xuất khỏi Liên hiệp quốc là một sự nhượng bộ của Mỹ, với Nghị quyết ngày 25/12/1971 của Đại hội đồng đã đưa CHND Trung Hoa chính thức đại diện hợp pháp và duy nhất cho nhân dân Trung Quốc. Đây là một thắng lợi quan trọng mang ý nghĩa ngoại giao dù Mỹ có chấp nhận hay không, đối với Trung Quốc đó là một sự thật hiển nhiên. Với chiến lược toàn cầu mà Mỹ triển khai luôn gây sự “bất bình, phản ứng” của các nước vì Mỹ dựa trên giá trị Mỹ, hòa bình, dân chủ kiểu Mỹ mang tính áp đặt, can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Việc giành thắng lợi trên trường quốc tế về vấn đề Đài Loan cũng chưa thể cam kết hay nói lên điều gì để đảm bảo cho sự toàn vẹn lãnh thổ, vì Trung Quốc nhận thấy Mỹ sẽ không dễ dàng chấp nhận. Vì vậy, trong một tuần viếng thăm Trung Quốc của tổng thống Mỹ R.Nixon, Trung Quốc luôn yêu cầu Mỹ cam kết bằng văn bản về vấn đề Đài Loan, để có giá trị

pháp lý hơn và là cơ sở để Mỹ không thể đơn phương can thiệp vào mối quan hệ giữa hai bờ eo biển.

Thông cáo Thượng Hải năm 1972 là ghi nhận cuối cùng sau tuần lễ hội đàm giữa đại diện hai nước. Vấn đề Đài Loan lần lượt được xác nhận. Trong thông cáo, Trung Quốc tái khẳng định vấn đề Đài Loan là vấn đề cản trở việc bình thường hóa quan hệ giữa hai bên, chính phủ CHND Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của người Trung Quốc; Đài Loan là một tỉnh của nước này trong một thời gian dài đã trở về quê hương; việc giải quyết vấn đề Đài Loan là việc nội bộ, không quốc gia nào có quyền can thiệp, tất cả các lực lượng quân sự Mỹ phải rút khỏi hòn đảo này. Điều quan trọng của thông cáo, chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối bất kì hoạt động nào nhằm tạo ra một nước Trung Quốc, một nước Đài Loan hay một nước Trung Quốc hai chính phủ hay chi trương tình trạng của đảo Đài Loan là không xác định. Phía Mỹ cũng tuyên bố: Mỹ xác nhận rằng tất cả người Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, chính phủ Mỹ sẽ không thách thức vị trí đó; tái khẳng định giải quyết vấn đề Đài Loan trong hòa bình, chính phủ Mỹ sẽ rút toàn bộ lực lượng vũ trang và các thiết bị quân sự của Mỹ ra khỏi Đài Loan khi vấn đề được giải quyết một cách hòa bình. Mỹ sẽ giảm dần lực lượng quân sự cùng các căn cứ ra khỏi Đài Loan để giảm sự căng thẳng trong khu vực.

Mặc dù thông cáo 1972 được nhận định mang tính không rõ ràng nhưng đánh dấu sự kết thúc chính sách ngăn chặn của Mỹ đối với Trung Quốc và đạt được một số thỏa thuận đầu tiên chính thức về giải pháp Đài Loan, thay đổi cách can thiệp của Mỹ vào công việc nội bộ của Trung Quốc từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên. Đến đây, nhân tố bế tắc trong quan hệ giữa hai nước đã được khai thông. Vấn đề Đài Loan được khai thông là một thành công ngoại giao của Trung Quốc nhưng đối với Mỹ lại gây ra những chia rẽ trong nội bộ, “*một khi chúng ta bán rẻ (Đài Loan) cho Trung Quốc thì chẳng có bất kì sự khác biệt nào*” [5, tr.249] và “*Bản thông cáo tượng trưng cho một sự công nhận không chính thức về chính quyền cộng sản. Nó là một sự phản bội đối với Đài Loan*” [5, tr.250]. Đây không phải là lần đầu tiên những người có tư tưởng chống việc Mỹ – Trung Quốc thỏa thuận liên quan đến địa vị pháp lý của Đài Loan, mà ngay sau khi có kết quả bỏ phiếu trục xuất Đài Loan khỏi Liên hiệp quốc đã có sự phản ứng mạnh mẽ từ phe ủng hộ Đài Loan.

Sau chuyến thăm lịch sử đến Trung Quốc, R.Nixon bước vào cuộc tranh cử tổng thống và đã đắc cử nhiệm kì thứ hai nhưng sự nghiệp chính trị của ông phải kết thúc không lâu sau đó bởi vụ bê bối chính trị Watergate. Sau khi R.Nixon từ chức, phó tổng thống Ford lên thay, tiến trình khởi động bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc được tiếp tục. Nhưng trong chuyến thăm Trung Quốc tháng 12/1975 của tổng thống Ford thì “*về việc giải quyết vấn đề Đài Loan, hai bên không nêu ra sáng kiến gì mới*” [3, tr.673], bằng chứng hai bên không kí kết văn kiện hay ra tuyên bố chung vì vậy chuyến công du của tổng thống Ford “*không mất cái gì mà cũng chẳng được cái gì*” [3, tr.674]. Trước chuyến thăm của tổng thống Ford, vào tháng 11/1975 ngoại trưởng Kissinger đã đến Trung Quốc đưa ra

phương án giải quyết vấn đề Đài Loan theo “phương thức Nhật Bản”: Mỹ sẽ đồng ý sau đó rút hết quân đội tại đảo Đài Loan cuối năm 1977, xem xét hiệp ước phòng thủ Mỹ – Đài Loan nếu Trung Quốc tuyên bố giải quyết vấn đề trong hòa bình và Mỹ sẽ lập một phòng liên lạc tại hòn đảo này trong quá trình mở cửa đại sứ quán tại Bắc Kinh. Cho thấy, một bộ phận giới chức Mỹ vẫn có tư tưởng “*Hiệp ước phòng thủ chung với Đài Loan có thể sẽ mất tính hiệu lực pháp lý sau khi Washington phá vỡ quan hệ với Đài Bắc và do đó Mỹ sẽ không còn cơ sở pháp lý nào để can thiệp vào một cuộc sung đột ở Đài Loan*” do vậy “*an ninh của Đài Loan sẽ có thể phải dựa chủ yếu trên các tuyên bố*” [5, tr.316-317]. Trung Quốc tiếp tục thể hiện thái độ kiên quyết trong đàm phán, việc thiết lập văn phòng liên lạc tại Đài Loan chẳng khác nào vẫn duy trì phương thức một Đài Loan, một Trung Quốc “*Trung Quốc dứt khoát không thể chấp nhận được*”, vấn đề hiệp ước phòng thủ chung Mỹ – Đài cũng “*cần phải xóa bỏ theo nguyên tắc của thông cáo Trung – Mỹ, sau khi Mỹ cắt đứt quan hệ ngoại giao, xóa bỏ hiệp ước với Đài Loan, rút quân, vấn đề Đài Loan nên để cho người Trung quốc tự giải quyết, đó là công việc nội bộ của Trung Quốc, giải quyết theo phương thức nào cũng là công việc của người Trung Quốc*”. Đây là điệp khúc nhắc nhở mà Trung Quốc luôn muốn Mỹ thực hiện nghiêm chỉnh. Như vậy quan điểm về một giải pháp cho tương lai Đài Loan tiếp tục bị bỏ ngỏ, dù có lần Mỹ phát biểu “*không chúng tôi không cần Đài Loan*” [5, tr.340], nhưng không tạo lòng tin cho Trung Quốc vì “*đường như Mỹ vẫn cần Đài Loan*” [5, tr.340].

Từ tổng thống R.Nixon rời đến Ford, đều tồn tại tư tưởng trong nhiệm kỳ của họ sẽ thực hiện trọn vẹn việc thiết lập quan hệ đầy đủ với Trung Quốc, nhưng lịch sử diễn ra với nhiều thăng trầm, làm cho dự tính không đạt được. Tổng thống Carter trên cơ sở kế thừa, tiếp nối nền tảng mà các tổng thống trước tạo dựng, đã thực hiện hoàn chỉnh việc bình thường hóa quan hệ với CHND Trung Hoa. Trải qua một số cuộc tiếp xúc, cuối cùng hai bên đi đến tuyên bố chung cho vấn đề luôn gây tranh cãi – Đài Loan: Mỹ thừa nhận lập trường của Trung Quốc là chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, thừa nhận chính phủ nước CHND Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc trong khuôn khổ đó, nhân dân Mỹ chỉ duy trì các quan hệ phi chính phủ về văn hóa, thương mại... với nhân dân Đài Loan. Trước đó, Mỹ cũng đã đưa ra điều kiện “*sau khi bình thường hóa quan hệ Trung – Mỹ phải đảm bảo không để ảnh hưởng đến các quan hệ mậu dịch, đầu tư, thương mại... giữa Mỹ và Đài Loan và cho phép quan chức Mỹ tiếp tục ở lại Đài Loan theo sự dàn xếp phi chính thức*” [3, tr.694]. Với quan điểm này, Trung Quốc đã có sự nhượng bộ, không gay gắt như các tuyên bố trước đó. Trung Quốc chấp nhận, yêu cầu Mỹ phải “*có đi, có lại*” đồng ý các điều kiện quan trọng.

Ngày 01/01/1979 hai bên chính thức thiết lập quan hệ đầy đủ, mặc dù nhiều vấn đề còn bấp cập trong quan hệ hai nước. Hai nước luôn có cách hiểu vấn đề khác nhau, dù tin rằng bình thường hóa quan hệ Trung – Mỹ không chỉ vì lợi ích dân tộc Trung Quốc và Mỹ mà còn góp phần vào sự nghiệp hòa bình ở châu Á và thế giới.

Tóm lại vấn đề Đài Loan đã gây ra sự thăng trầm, ảnh

hưởng rõ nét đến quan hệ Mỹ – Trung Quốc nói riêng và có tác động đến cục diện quan hệ quốc tế nói chung. Mỹ đã bảo trợ Đài Loan như một lực lượng thách thức Trung Quốc cộng sản. Tùy thuộc vào tình hình trong nước, xu thế quan hệ quốc tế lúc bấy giờ mà chính sách ngoại giao của Mỹ đối với Trung Quốc và Đài Loan “*lúc trầm, lúc bổng*”. Ba mươi năm (1949 - 1979) tranh cãi về vị thế của Đài Loan đã có sự ngã ngũ bởi chính sách ngoại giao đầy toan tính của Mỹ và Trung Quốc.

2.4. Tác động của vấn đề Đài Loan đối với quan hệ Mỹ, Trung Quốc và Đài Loan giai đoạn 1972 – 1979

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Mỹ và Trung Quốc đầu năm 1979, đã chính thức đưa Đài Loan trở thành “*nạn nhân*”, nhiều nước đã theo đó cũng tuyên bố từ bỏ địa vị quốc tế của Đài Loan. Từ khi nhận thức Đài Loan là một điểm chốt quan trọng trong tuyến phòng thủ tại châu Á, thì Mỹ đã tiến hành thực hiện hàng loạt các cam kết viện trợ quân sự, kinh tế nhằm góp phần xây dựng nền chính trị ở đây như một chính thể độc lập. Chính quyền Quốc dân Đảng đã tận dụng tối đa sự viện trợ này để xây dựng lực lượng chống Đảng cộng sản Trung Quốc. Do vậy, sự hợp tác của hai bên đều phục vụ cho ý đồ của mỗi bên. Đến những năm 70 thế kỷ XX thì liên minh Mỹ – Tưởng bị xói mòn bởi nhiều nhân tố như môi trường an ninh và đặc biệt “*bản chất*” của đối thủ là cơ sở để một liên minh tự nhiên suy yếu. Quá trình này bắt đầu từ những năm 70 khi Mỹ công khai chủ động thay đổi chính sách ngoại giao đối với Trung Quốc, từ trạng thái bao vây không có lập trường bằng chính sách đàm phán đủ thời gian này hai nước đều chưa công khai. Vì vậy, khi Mỹ – Trung Quốc tuyên bố gấp gáp chính thức, Đài Loan là nhân tố bị tác động rõ nét nhất từ sự bình thường này. Khi Mỹ can thiệp sâu rộng vào cuộc chiến tại Việt Nam (1964 – 1968), đã góp phần tác động đến mối quan hệ giữa Washington – Đài Bắc. Mỹ nhận định Trung Quốc cộng sản là lực lượng hậu thuẫn lớn cho chính quyền Việt Nam DCCCH và với lối tư duy Trung Quốc đang lợi dụng cơ hội này để “*gia tăng*” ảnh hưởng ở châu Á nên Đài Loan được Mỹ sử dụng cho chiến lược ngăn chặn “*hành động*” từ phía Trung Quốc. Khi những khó khăn tại chiến trường Việt Nam ngày càng gia tăng, để tìm một lối thoát trong danh dự thì vai trò “*chiến lược*” của Đài Loan bị Mỹ đánh đổi.

Sau chuyến thăm bí mật của ngoại trưởng Kissinger đến Trung Quốc năm 1971, sau đó là năm 1972 của tổng thống R.Nixon, chính quyền Đài Loan đã có những phản ứng với thái độ “*phẫn nộ, khó hiểu và kinh ngạc*”, “*Mỹ phải chịu trách nhiệm và mọi hậu quả nghiêm trọng do hành động đó gây ra*” [4, tr.476]. Đây là một phản ứng thể hiện sự phản đối hành động của Mỹ khi sử dụng Đài Loan như lá bài trao đổi ngoại giao, dù phía Mỹ cam kết rằng việc cải thiện quan hệ với Trung Quốc sẽ không phải đổi bằng cái giá “*hi sinh*” bạn bè cũ (tức Đài Loan) nhưng sau đó là khẳng định, đây là chuyện Mỹ phải làm vì điều này không thể tránh được. Trong thông cáo Thượng Hải “*địa vị của Đài Loan chưa xác định rõ ràng*” nhưng nó đã trở thành những năm “*đáng nhớ*” đối với chính quyền Đài Loan. Những sự kiện liên tục diễn ra tạo nên các trạng thái tâm lý hi vọng tách khỏi Trung Quốc trở nên xa vời; trạng thái quốc tế bị cô lập – năm 1970, 53 quốc gia công nhận

CHND Trung Hoa, 68 nước cộng nhận Trung Hoa Dân Quốc đến năm 1977 là 111 và 23; xói mòn dần trong quan hệ với đồng minh Mỹ, Đài Loan dần trở thành “kẻ quan sát” sự cải thiện dần trong quan hệ giữa “kẻ thù cay đắng nhất với đồng minh thân cận nhất” của mình. Động thái của Mỹ đã gây ra tâm lí bất an cho Đài Loan, để hạn chế trạng thái bị cô lập, Đài Loan đã xúc tiến ngoại giao mong muốn tạo nên các liên minh, như tiến hành đàm phán với Liên Xô “*muru toan dùng con bài Liên Xô để dọa Mỹ*” [4, tr.484], Đài Loan tìm đến Liên Xô như một sự cứu cánh những khó khăn mà Đài Loan đối mặt. Theo tuyên cáo cam kết với Trung Quốc, Mỹ bắt đầu thực hiện lộ trình giảm các mối quan hệ với Đài Loan, tuyên bố “*tháng 7/1973 rút khỏi Đài Loan đại đội vận tải hàng không chiến thuật 347 gồm 3000 lính không quân và máy bay và dự định đến tháng 3/1976 thì rút toàn bộ*” [4, tr.493-494]. Dưới hai thời tổng thống R.Nixon và Ford quan hệ giữa Mỹ - Trung Quốc không ngừng được tăng.

Dường như mối quan hệ Mỹ – Đài Loan – Trung Quốc chưa bao giờ đi đến hồi kết, việc Mỹ tiếp tục hỗ trợ cho Đài Loan cho thấy Mỹ muốn quan hệ với cả hai. Do vậy, viện trợ cho Đài Loan vẫn được duy trì, năm 1973 viện trợ quân sự cho Đài Loan là 40 triệu USD, con số này tăng gấp hai vào năm 1975 và đến tháng 12/1977 “Hội đồng kinh tế Mỹ – Đài Loan” được thiết lập. Trung Quốc hiểu rõ sự mập mờ về thái độ của Mỹ trong các cam kết về mối quan hệ giữa hai bờ eo biển. Đến năm 1978, quan hệ Mỹ – Liên Xô căng thẳng trở lại sau một loạt các sự kiện tác động đưa thế giới bước vào thời kì không ổn định, Mỹ quyết định bình thường hòa chính thức với Trung Quốc, ba điều kiện giải quyết vấn đề Đài Loan theo “phương thức Nhật Bản” đã được Mỹ chấp nhận. Ngày 1/1/1979 trên văn bản pháp lí Mỹ chính thức cắt đứt quan hệ với Đài Loan, tiếp tục tạo nên những phản ứng mạnh mẽ từ chính quyền Đài Loan (hơn cả năm 1972) và cả phe phái thân Đài Loan trong chính quyền “*đó là điều không thể tưởng tượng được, nó chỉ gây tổn thất lớn lao cho nước tôi (Trường Kinh Quốc) mà còn là một sự bôi nhọ lớn lao, vừa thất tín với nước tôi, cũng thất tín với thế giới, sau này không còn đồng minh nào tin ở Mỹ nữa*” và “*bất kì trên góc độ nào, hành động này của Mỹ cũng gây tổn thất lớn lao cho sự tự do của nhân loại và các chế độ dân chủ. Chắc chắn sẽ bị nhân dân yêu chuộng tự do, dân chủ các nơi trên thế giới lên án*” [4, tr.504], đó là hành động “*đối trá, miệt thị Hiến pháp và Quốc hội Hoa Kỳ và bán rẻ Đài Loan*” [5, tr.462- 463]. Bản thân tổng thống Carter cũng bị chỉ trích “*quyết định của Carter như một sự bán rẻ an ninh của Đài Loan, một hành động làm suy giảm lòng tin về người Mỹ trên thế giới và làm đen tối triển vọng hòa bình*” [5, tr.463].

Đạo luật quan hệ với Đài Loan (TRA) ra đời ngay sau đó, đây là kết quả từ sự không hài lòng của một số thành viên trong chính quyền Mỹ về việc bỏ rơi Đài Loan. Đạo luật TRA như một biện pháp để xoa dịu Đài Loan của Mỹ với các cam kết: bất kì nỗ lực để xác định tương lai của Đài Loan bằng cách khác so với phương pháp hòa bình, kể cả cấm vận hay tẩy chay sẽ là một mối đe dọa đến hòa bình và an ninh khu vực Tây Thái Bình Dương và là mối quan ngại trầm trọng đối với Mỹ, Mỹ sẽ duy trì năng lực để chống lại việc sử dụng vũ lực hay các hình thức cưỡng chế

mà có thể gây nguy hiểm cho an ninh hoặc hệ thống xã hội, kinh tế của người dân Đài Loan. Đài Loan sẽ được cung cấp vũ khí để duy trì một khả năng tự vệ đầy đủ, tổng thống và quốc hội Mỹ sẽ quyết định cung cấp cho Đài Loan các hàng quốc phòng và các hậu cần phòng thủ với số lượng cần thiết cho phép hòn đảo này có thể duy trì khả năng tự vệ đầy đủ. Đây là cam kết mà Mỹ trấn an Đài Loan.

Như vậy, Mỹ vẫn duy trì chính sách hai mặt đối với Trung Quốc, chính sự nhọc nhằn về mối quan hệ không rõ ràng của Mỹ đối với Trung Quốc về vấn đề Đài Loan đã làm quan hệ hai nước trở nên thăng trầm hơn. Vấn đề Đài Loan trở thành vật cản trong quan hệ Mỹ – Trung Quốc, theo đó mối quan hệ giữa hai bờ eo biển luôn trong tình trạng nóng, lạnh vì yếu tố Mỹ luôn hiện diện góp phần hình thành nên tam giác quan hệ Đài Loan – Mỹ – Trung Quốc. Sự hình thành nên tam giác quan hệ này theo một dạng không đối xứng, Mỹ chiếm nhiều ưu thế hơn, yếu tố Đài Loan mờ nhạt nhất trong tam giác quan hệ. Dù vậy, Bắc Kinh và Đài Bắc luôn trong tình trạng đối nghịch nhau nhưng do sự tác động của nhiều nhân tố trong cuộc Chiến tranh lạnh cả hai đều cố gắng “giành một quan hệ tốt” với Washington theo ý đồ riêng. Điều này cho phép Mỹ có cơ hội mặc cả với cả hai nhưng sự mặc cả chỉ ở mức độ nhất định. Điều này được lí giải, trước hết cả 3 đều không tin tưởng lẫn nhau, Mỹ lo ngại Trung Quốc sẽ tiến hành các hoạt động quân sự đối với Đài Loan cũng như quan ngại Đài Loan sẽ gây ra các khiêu khích ngược lại. Trung Quốc nghi ngờ Mỹ có ý định chia tách Đài Loan hình thành nên một nhà nước độc lập, Đài Loan luôn lo lắng sẽ bị thôn tính một khi mất đi khả năng phòng vệ cũng không muốn bị “tung hứng” quá nhiều trong “trò chơi” ngoại giao của Washington. Thứ hai, cả Trung Quốc và Đài Loan đều công nhận sự nổi bật của Mỹ trong tam giác quan hệ nhưng cả hai không muốn bị chi phối nên luôn muốn tạo ra sự thay đổi. Trung Quốc với những cố gắng giảm thiểu sự can thiệp của Mỹ xung quanh vấn đề Đài Loan, khi đó Đài Loan cũng tìm cách thoát khỏi sự can thiệp từ Trung Quốc, vì vậy Mỹ lợi dụng trạng thái cân bằng này. Tóm lại ảnh hưởng rõ nét nhất đến bình thường hóa quan hệ Mỹ – Trung đó là sự ra đời của tam giác ngoại giao Đài Loan – Mỹ – Trung Quốc và chính sách ngoại giao mang tính cân bằng của Mỹ trong mối quan hệ tay ba này, hướng cao nhất là đảm bảo lợi ích chiến lược như Washington mong muốn, mối quan hệ này được duy trì đến hiện nay.

3. Kết luận

Sự biến chuyển trong quan hệ quốc tế cuối thập niên 60 thế kỉ XX đã tác động đến hòa hoãn Mỹ – Trung Quốc, mở đầu bằng sự kiện ngoại giao bóng bàn năm 1971. Chuyển thăm của tổng thống Mỹ R.Nixon (từ ngày 21 đến ngày 28/2/1972) với bản thông cáo Thượng Hải được thông qua là một bước đột phá trong quan hệ Mỹ – Trung Quốc. Đài Loan luôn nằm trong chương trình nghị sự và là nút thắt trọng tâm để hai nước tháo gỡ đi đến tiếp xúc, đàm phán quan hệ ngoại giao (1972 – 1979).

Khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ được xem là siêu cường duy nhất của thế giới với việc thống trị bốn cơ cấu quyền lực: kinh tế, tài chính, thương mại và tri thức đã trở thành nền tảng cho chính sách ngoại giao thời hậu Chiến

tranh lạnh của Mỹ. Trung Quốc ngày nay được Mỹ đánh giá như một “đôi thủ tiềm tàng”, “đôi thủ cạnh tranh” chứ không phải “đối tác chiến lược”. Công cuộc hiện đại hoá đã đưa Trung Quốc hội nhập sâu rộng và ngày càng đóng vai trò quan trọng khi tham gia giải quyết vấn đề toàn cầu. Mỹ muốn Trung Quốc phát triển nhưng không phải với tư cách là một đối thủ cạnh tranh trong vai trò lãnh đạo thế giới. Để đối phó với đối thủ tiềm tàng này, Mỹ tiến hành nhiều biện pháp, trong đó “vấn đề Đài Loan” được xem là một công cụ hữu ích. Mỹ thành công trong việc ngăn chặn Trung Quốc sử dụng vũ lực thống nhất Đài Loan (ít nhất thời điểm hiện tại). Thực tế, Mỹ đang thi hành chính sách hai mặt vừa ngăn cản Trung Quốc thống nhất Đài Loan bằng mọi hình thức nhưng vừa không muốn Đài Loan độc lập. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ song phương với Trung Quốc mà an ninh khu vực sẽ không được đảm bảo nếu Mỹ đi quá xa chính sách đối với Đài Loan. Bởi vì không một nhà lãnh đạo nào từ phía Trung Quốc tỏ thái độ nhân nhượng khi Mỹ có thái độ quan hệ trên mức “cho phép” với đảo Đài Loan. Đây được xem là “mặt trận chính trị cuối cùng” và là nhân tố duy nhất có thể khiến mối quan hệ Mỹ – Trung đổ vỡ hoàn toàn hiện nay. Từ năm 1949 đến nay chưa bao giờ có một giải pháp mang lại sự

đồng thuận đi đến thống nhất đất nước giữa hai bờ eo biển, điều này cũng đồng nghĩa quan hệ Trung Quốc – Đài Loan nòng ảm hay lạnh nhạt đều phụ thuộc vào chính sách của đối phương giành cho nhau, một phần dưới tác động của yếu tố Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phi Bằng, *Những sự kiện quan trọng trong quan hệ Mỹ – Trung Quốc*, NXB Trẻ, TP HCM, 2001.
- [2] Mc.Cormick, *Nước Mỹ nửa thế kỉ chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau chiến tranh lạnh*, NXB CTQG, Hà Nội, 2004.
- [3] Lí Kiện, *Trung – Xô – Mỹ cuộc đối đầu lịch sử*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2008.
- [4] Hoàng Gia Thu, *Đài Loan tiến trình hóa rồng*, NXBVHTT, Hà Nội, 1994.
- [5] Patrick Tyler, *Một thiên lịch sử sáu đời tổng thống Mỹ – Trung*, NXBCAND, Hà Nội, 2008.
- [6] M.Yahuda, *Các vấn đề chính trị quốc tế ở Châu Á, Thái Bình Dương*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006.
- [7] http://afe.easia.columbia.edu/special/china_1950_taiwan.htm, Taiwan and U.S.- China Relations.
- [8] <http://www.arts.auckland.ac.nz/FileGet.cfm?ID=9a619a76-5008-494e-a510-9b015591ec00>, The Taiwan issue in US – China relations.

(BBT nhận bài: 09/06/2015, phản biện xong: 31/07/2015)